

# NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH TỘI PHẠM Ở NƯỚC TA HIỆN NAY - MÔ HÌNH LÝ LUẬN

*Phạm Văn Tỉnh\**

Cả lịch sử tội phạm học, cả lô gíc biện chứng của vấn đề tội phạm, đều chỉ ra rằng, vấn đề nguyên nhân của tình hình tội phạm là vấn đề cơ bản của tội phạm học. Bởi vì, chính trong quá trình đấu tranh và tìm lời giải cho vấn đề nguyên nhân của tình hình tội phạm, tội phạm học đã được hình thành và phát triển thành một khoa học độc lập (vào cuối thế kỷ XIX). Và chính trong quá trình đó, trên phạm vi toàn thế giới đã nảy sinh các trường phái tội phạm học khác nhau: Có trường phái nhân chủng học Ý; có trường phái xã hội học Pháp và có trường phái kết hợp cả xã hội học và sinh học - nhân chủng học Đức.

Nối tiếp cuộc tranh luận giữa các trường phái tội phạm học thế kỷ XIX, ở thế kỷ XX, thế giới lại chứng kiến sự hình thành và phát triển các học thuyết khác nhau về tình hình tội phạm<sup>1</sup>, mà cốt lõi của các học thuyết đó cũng không ngoài những luận giải khác nhau về nguyên nhân của tình hình tội phạm: Có học thuyết sinh học về tình hình tội phạm; có học thuyết tâm lý học hoặc tâm lý-xã hội về tình hình tội phạm; lại có học thuyết xã hội học về tình hình tội phạm.

Thế nhưng tất cả, dù là trường phái hay học thuyết ở các thế kỷ qua, đều chỉ có thể là cơ sở để khẳng định rằng, tội phạm học Mác-xít và chỉ có tội phạm học Mác-xít, tức là tội phạm học lấy triết học Mác-Lênin, đặc biệt là phép biện chứng Mác-xít, làm phương pháp luận cho mình, mới cho ta khả năng nhận biết được vấn đề nguyên nhân của tội phạm, cũng như của tình hình tội phạm một cách khách quan hơn cả, hoàn bị hơn cả.

Ngay từ đầu thế kỷ XIX, khi nền kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển mạnh mẽ ở châu Âu và đồng thời cũng là thời điểm của tình hình tội

phạm ở đó bộc lộ rõ nét tính quy luật của nó, song ngay cả Quetelet, người sáng lập ra phương pháp thống kê số lớn và nổi tiếng với "Tác phẩm khoa học tuyệt vời" (lời của Mác) là "Con người và năng lực của nó" cũng "khó xác định những nguyên nhân thúc đẩy dẫn một cách hết sức hợp quy luật đến những kết quả nhất định", thì C.Mác đã căn cứ vào chính những số liệu thống kê tội phạm của Quetelet mà đi đến kết luận mang tính cách mạng xã hội rằng: "Con số bình quân các vụ phạm tội trong một bộ phận nào đó của xã hội (Pháp, Mỹ) ít phụ thuộc vào những thiết chế chính trị riêng của nước đó mà chủ yếu phụ thuộc vào những điều kiện cơ bản vốn có của xã hội tư sản hiện đại nói chung"<sup>2</sup> và ông đặt vấn đề "... phải chăng cần suy nghĩ một cách nghiêm chỉnh đến việc thay đổi cái chế độ sản sinh ra những vụ phạm tội ấy, chứ không ca tụng tên đao phủ giết đi một số lượng tội phạm nhân định chỉ là để có chỗ cho những tội phạm mới?"<sup>3</sup>.

Phát triển những tư tưởng cách mạng xã hội của Mác và Ăng-ghe-nen về vấn đề tội phạm trong xã hội, V.I. Lênin đã chỉ rõ: "Chúng ta biết rằng, nguyên nhân xã hội cơ bản của tội phạm, cần phải tìm trong sự bóc lột quần chúng, trong sự bản cùng hóa và sự đói nghèo của họ. Cùng với sự thanh toán các nguyên nhân chủ yếu này, tình hình tội phạm ắt sẽ bắt đầu tiêu vong (absterben)"<sup>4</sup>.

Trên nền tảng những tư tưởng cách mạng xã hội về nguyên nhân của tình hình tội phạm như vậy có thể rút ra một kết luận quan trọng về nhận thức thực tiễn ở nước ta dưới góc độ tội phạm học như sau:

Việc thành lập Nhà nước dân chủ nhân dân ở nước ta, tức là nước Việt Nam dân chủ cộng hòa

\* TS. Luật học, Viện Nhà nước và Pháp luật

<sup>1</sup> Xem Hans - Dieter Schwind, Kriminologie, eine praxisorientierte Einführung mit Beispielen, Nhà xuất bản Kriminalistik, Heidelberg 2007, tr. 97-143

<sup>2</sup> C.Mác và Ph.Ăng-ghe-nen, TT. T8, Nxb. CTQG, H. 1993, tr. 673

<sup>3</sup> C.Mác và Ph.Ăng-ghe-nen, TT. T8, Nxb. CTQG, H. 1993, tr. 674

<sup>4</sup> V.I. Lênin, TT. T.25, tr. 678 (tiếng Đức)

năm 1945 và nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày nay, không chỉ là bước ngoặt lịch sử trong sự nghiệp đấu tranh cách mạng của dân tộc ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, mà còn là bước ngoặt trong sự nghiệp đấu tranh với tình hình tội phạm trong xã hội. Điều đó có nghĩa rằng, việc thiết lập một chế độ xã hội mới, một chế độ xã hội chống lại sự đàn áp và bóc lột quần chúng, chống lại sự đói nghèo v.v. chính là một chế độ xã hội không sản sinh ra tội phạm và đó cũng chính là điều kiện tiên quyết cho quá trình "tiêu vong" của tình hình tội phạm.

Cần phải nói rõ như vậy để thấy rằng, việc tìm kiếm nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm ở nước ta hiện nay hoàn toàn ở một hoàn cảnh khác, một hoàn cảnh mà dự kiến "thay đổi cái chế độ sản sinh ra tội phạm" của Mác đã trở thành hiện thực hơn 60 năm nay. Thế nhưng, trong suốt quá trình tồn tại của chế độ ta, một chế độ xã hội mà bản chất là chế độ không sinh ra tội phạm, thì tình hình tội phạm vẫn diễn ra với những cung bậc thăng trầm, có khi là mạnh mẽ theo từng giai đoạn phát triển ở nước ta. Thực tế này hoàn toàn không có gì mâu thuẫn với lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin nói chung và với lý luận Mác xít về nguyên nhân của tình hình tội phạm nói riêng. Và cũng chính thực tế này của tình hình tội phạm đã đặt ra nhu cầu phải tiếp tục nghiên cứu nguyên nhân của tình hình tội phạm để đấu tranh với nó, cũng như để tiếp tục hoàn thiện lý luận về nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm.

Vậy ở nước ta, cho đến nay, vấn đề nguyên nhân của tình hình tội phạm đã được giải quyết đến mức độ nào về mặt lý luận?

Có thể nói, tất cả những tài liệu hiện có (bằng tiếng Việt) về nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm, dù đó là giáo trình hay sách chuyên khảo, dù đó là bài tạp chí hay Luận án tiến sĩ, đều dừng ở mức độ giáo trình có tính chất nhập môn và chưa thể hiện được tư tưởng rõ ràng về vấn đề cần nghiên cứu.

Các giáo trình tội phạm học của Đại học Luật Hà Nội, của Đại học Huế (Trung tâm đào tạo từ xa), của Học viện Cảnh sát nhân dân hay của Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, đều có chung một phương pháp tiếp cận vấn đề nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm, tức là

dựa trên nền tảng tư tưởng chưa rõ ràng, chưa phân biệt được ranh mạch giữa các khách thể nghiên cứu với nhau như tình hình tội phạm và hành vi phạm tội, giữa khách thể nghiên cứu với đối tượng nghiên cứu của tội phạm học. Các giáo trình đã nêu, dù xuất bản trước đây hay mới tái bản năm 2007, đều chia vấn đề nguyên nhân và điều kiện thành hai bài gọi là "Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm" và bài khác là "Nguyên nhân và điều kiện của tội phạm cụ thể". Cách tiếp cận như vậy là phi Mác xít, tức là không nhìn thấy mối liên hệ biện chứng giữa tội phạm với tính cách là hành vi phạm tội và tội phạm với tính cách là hiện tượng xã hội, nghĩa là tình hình tội phạm. Chương "Các nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm" do GS.TSKH Đào Trí Úc viết năm 1994 trong cuốn "Tội phạm học, Luật Hình sự và Luật Tố tụng Hình sự Việt Nam", Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, là một công trình khoa học có giá trị khái quát cao, nhưng mới dừng ở phương hướng nghiên cứu và tác giả cũng không có ý định làm rõ mối liên hệ giữa các khái niệm tội phạm và tình hình tội phạm dưới góc độ tội phạm học. Khái niệm tội phạm được tác giả sử dụng với cả nghĩa tình hình tội phạm (hiện tượng) và cả nghĩa hành vi phạm tội. Vì thế nhiều người đọc hay thắc mắc hoặc không hiểu và khó vận dụng.

Tóm lại, do tình trạng phát triển của lý luận tội phạm học ở nước ta hiện nay còn ở mức độ như đã trình bày mà việc tiếp cận vấn đề nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm cần phải được thực hiện trên cơ sở thống nhất nhận thức và giải quyết một số vấn đề, khái niệm và phạm trù có tính chất nền tảng và hệ thống sau đây:

Thứ nhất, việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm chính là việc nghiên cứu quy luật của sự phạm tội. Nội dung này thuộc về đối tượng nghiên cứu của tội phạm học. Nói cách khác, đối tượng nghiên cứu của tội phạm học chỉ có thể là quy luật của sự phạm tội và quy luật đó lại chỉ có thể được tìm kiếm ở khách thể nghiên cứu của tội phạm học, tức là ở tội phạm với tính cách là hành vi và tội phạm với tính cách là hiện tượng - tình hình tội phạm.

Thứ hai, mối quan hệ giữa tình hình tội phạm và hành vi phạm tội là mối quan hệ biện chứng của cặp phạm trù "chung-riêng" theo

đúng nghĩa triết học Mác-Lênin. Vì thế, quan hệ giữa "Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm" và "Nguyên nhân và điều kiện của hành vi phạm tội" cũng là quan hệ của một cặp phạm trù.

Ý tứ về cả hai vấn đề vừa nêu trên chúng tôi đã trình bày vắn tắt bằng hai bài tạp chí đăng tải trên Tạp chí Nhà nước và Pháp luật số 6 và số 12 năm 2007 của Viện Nhà nước và Pháp luật. Ở đây, chúng tôi chỉ xin phép lưu ý rằng, sự nhầm lẫn giữa đối tượng nghiên cứu và khách thể nghiên cứu của tội phạm học vẫn còn thể hiện ở bài tạp chí số 6/2007 và nó đã được phát hiện, chỉnh sửa bằng bài viết "Vấn đề định nghĩa khái niệm tội phạm học và nhu cầu nâng cao trình độ lý luận tội phạm học ở nước ta" trên Tạp chí Nhà nước và Pháp luật số 12 năm 2007, trang 69 - 73.

Thứ ba, tội phạm học Việt Nam là tội phạm học Mác-xít. Điều khẳng định này có cơ sở hiến định (từ Hiến pháp 1992). Vậy phương pháp luận Mác-xít phải được vận dụng như thế nào để có thể nhận thức được vấn đề nguyên nhân và điều kiện trong tội phạm học Việt Nam một cách khả thi và dễ áp dụng nhất?

Đây là nội dung mà chúng tôi muốn trình bày ở bài viết này với tinh thần nối tiếp hai vấn đề đã nêu trên.

Với tư tưởng, tội phạm học Việt Nam cũng như các khoa học pháp lý hình sự khác, không có lý luận riêng về quan hệ nhân-quả, mà chỉ cụ thể hóa nội dung cặp phạm trù nhân-quả của triết học Mác-xít vào lĩnh vực nghiên cứu của mình<sup>5</sup>. Và theo đó, những khái niệm của cặp phạm trù này được hiểu và vận dụng trong tội phạm học như sau:

Một là nguyên nhân: đó là phạm trù chỉ sự tác động qua lại giữa các mặt trong một sự vật, một hiện tượng hoặc giữa các sự vật, các hiện tượng với nhau gây ra sự biến đổi nhất định gọi là kết quả.

Như vậy, về bản chất, nguyên nhân không phải là hiện tượng hay sự vật nào đó, mà nguyên nhân chỉ có thể là sự tác động qua lại. Không có sự tác động qua lại thì không có

nguyên nhân. Và để nguyên nhân sinh ra kết quả nhất định nào đó như tình hình tội phạm chẳng hạn, thì quá trình tương tác phải diễn ra trong điều kiện nhất định.

Hai là điều kiện: điều kiện, tuy không sản sinh ra kết quả, song tạo thuận lợi, hỗ trợ, thúc đẩy sự tương tác sinh ra kết quả. Vậy là, về bản chất, điều kiện là những sự kiện, hiện tượng, tình huống, hoàn cảnh nhất định;

Ba là kết quả: trong mối liên hệ nhân-quả (nguyên nhân-điều kiện-kết quả), thì quả ở đây, trong tội phạm học chỉ có thể là hiện tượng (tình hình tội phạm) hoặc hành vi - hành vi phạm tội. Còn nhân thì không thể là một hiện tượng hay một yếu tố nào, mà nhân chỉ có thể là sự tác động qua lại của nhiều hiện tượng, nhiều yếu tố. Và sự tác động qua lại này không phải là sự tác động trực tiếp (S-R) mà là sự tác động gián tiếp, tức là phải thông qua đầu óc con người, tâm lý học gọi là kích thích phương tiện, được ký hiệu là X. Vì thế, công thức của sự tác động này phải là S-X-R. Như vậy, nguyên nhân của tình hình tội phạm phải là sự tác động qua lại giữa các yếu tố tiêu cực thuộc môi trường sống và các yếu tố tâm-sinh lý tiêu cực thuộc cá nhân con người trong những hoàn cảnh, tình huống nhất định.

Về mặt lý thuyết, rõ ràng nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm là hai phạm trù khác nhau, giữ vai trò khác nhau trong việc sinh ra kết quả - tình hình tội phạm. Thế nhưng, trong lĩnh vực xã hội nói chung và tội phạm học nói riêng, sự phân biệt đầu là nguyên nhân, đầu là điều kiện, chỉ mang tính tương đối. Hơn nữa, thực tế đấu tranh và phòng ngừa tội phạm lại luôn đòi hỏi phải loại trừ cả hai, tức là phải loại trừ cả những gì thuộc về nguyên nhân và loại trừ cả những gì thuộc về điều kiện phát sinh tình hình tội phạm.

Chính vì tính phức tạp của sự tác động qua lại, tính muôn hình muôn vẻ của sự tác động, cũng như sự đòi hỏi của thực tế đấu tranh và phòng ngừa tội phạm ở nước ta mà việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm chỉ có thể mang lại kết quả hữu ích và khả thi khi làm rõ được các hiện tượng, các yếu tố tham gia vào sự tác động qua lại này. Và chúng được gọi chung là các yếu tố làm phát sinh tình hình tội phạm.

Như vậy, vấn đề then chốt và khả thi của

<sup>5</sup> Xem: Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam, Nhà xuất bản Công an Nhân dân, H.2004, tr. 83-84

việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm ở nước ta hiện nay là chỉ ra cho được toàn bộ các yếu tố làm phát sinh tình hình tội phạm, tức là hệ thống các yếu tố làm phát sinh tình hình tội phạm.

Để đảm bảo tính bao quát và tránh sai sót trong việc xác định hệ thống, các yếu tố làm phát sinh tình hình tội phạm cần phải được phân loại mà cách phổ biến nhất, tiện dụng nhất là phân loại thành các yếu tố khách quan và chủ quan trên cơ sở lấy Nhà nước, một chủ thể của quan hệ pháp luật hình sự, chủ thể bảo vệ pháp luật, bảo vệ lợi ích của toàn xã hội, làm trung tâm để phân biệt.

Theo đó, những yếu tố khách quan làm phát sinh tình hình tội phạm ở nước ta hiện nay là những yếu tố đang tồn tại trong xã hội ta, song không phụ thuộc vào ý chí của Nhà nước và cũng không phải do Nhà nước gây ra, còn những yếu tố chủ quan phải là những yếu tố do bản thân Nhà nước trong quá trình thực hiện chức năng quản lý của mình đã làm chúng xuất hiện trong xã hội, mặc dù Nhà nước không mong muốn.

Thuộc vào những yếu tố khách quan làm phát sinh tình hình tội phạm ở nước ta hiện nay cần phải kể đến các yếu tố sau:

Thứ nhất, đó là di hại của xã hội cũ, tức là xã hội trước năm 1945 ở miền Bắc và trước năm 1975 ở miền Nam, nay còn phát huy tác hại và tương tác với các yếu tố chủ quan làm phát sinh tình hình tội phạm ở xã hội ta hiện nay. Thuộc vào di hại của xã hội cũ, thiết nghĩ cần phải nghiên cứu các yếu tố như chính trị-tư tưởng; kinh tế-xã hội; văn hóa-giáo dục; tâm lý xã hội (đặc biệt là những thói quen, tập tục lạc hậu như hiện tượng "ma lai", "giải oan" hay chôn sống những đứa trẻ sinh đôi ở vùng Tây Nguyên nước ta<sup>6</sup>) và hiện thực của tình hình tội phạm và tệ nạn xã hội.

Thứ hai, là áp lực bất lợi từ phía nước ngoài. Ở đây phải kể đến các hiện tượng như bao vây, cấm vận về kinh tế (đến năm 1995 mới được dỡ bỏ); tuyên truyền phá hoại tư tưởng, kích động người trốn đi nước ngoài (vào những năm 80 của thế kỷ trước); tình hình tội

phạm của người nước ngoài ở Việt Nam (đang ngày càng nghiêm trọng hơn).

Thứ ba, là những rủi ro, những cái mà con người chưa thể kiểm soát được, song lại gây thảm họa cho con người và tạo ra những cái cớ để một số tội phạm nảy sinh.

Về các yếu tố chủ quan:

Các yếu tố chủ quan làm phát sinh tình hình tội phạm ở nước ta hiện nay cần phải được khái quát như thế nào, dựa trên cơ sở nào để hệ thống hóa các yếu tố đó? Đây là vấn đề then chốt về mặt lý luận, song đến nay chưa có tác giả nào đề cập.

Nói đến yếu tố chủ quan làm phát sinh tình hình tội phạm, đương nhiên là nói đến yếu tố con người, nhưng không phải là con người phạm tội mà là con người Nhà nước. Sự khẳng định này có cội nguồn từ Hiến pháp của Nhà nước ta và từ lý luận về quan hệ pháp luật hình sự.

Vì thế, trái ngược với những yếu tố khách quan, những cái không phải do Nhà nước gây ra, những yếu tố chủ quan làm phát sinh tình hình tội phạm phải là những yếu tố do bản thân Nhà nước trong quá trình thực hiện chức năng quản lý xã hội của mình đã làm cho chúng xuất hiện trong xã hội, mặc dù Nhà nước không mong muốn. Đó là những sai sót, yếu kém, ngộ nhận hoặc thiếu trách nhiệm trong quá trình quản lý toàn bộ các mặt của đời sống xã hội của Nhà nước.

Như vậy, để bao quát được một cách hệ thống các yếu tố chủ quan làm phát sinh tình hình tội phạm, thì một khái niệm công cụ cần phải được mổ xẻ ở đây. Đó là khái niệm quản lý nhà nước. Khái niệm này được hiểu là sự tác động có tổ chức và điều chỉnh mang tính quyền lực nhà nước đối với các quá trình xã hội, các lĩnh vực của đời sống xã hội (kinh tế, văn hóa, giáo dục, đào tạo, nhà cửa, đất đai, tiền bạc, tài nguyên, v.v. và cả việc phòng và chống tội phạm), bao gồm nội dung rộng lớn và có hệ thống từ việc đề ra và xây dựng mục đích quản lý; xây dựng và thông qua các quyết định quản lý (công cụ quản lý mà trọng tâm là pháp luật); tiến hành các biện pháp tổ chức thực hiện và cả việc kiểm tra, giám sát, uốn

<sup>6</sup> Xem các báo Gia đình và xã hội số 67 ngày 4-11 tháng

5 năm 2000, số 20 ngày 8 - 12 tháng 3 năm 2003 và Báo Tuổi trẻ ra các ngày từ 27 đến 30 tháng 3 năm 2008.

nấn việc thực hiện các quyết định quản lý (pháp luật) sao cho đạt được mục đích quản lý đã đề ra.

Nói ngắn gọn lại, quản lý nhà nước bao gồm bốn khâu cơ bản:

- Xác định mục đích quản lý, từ mục đích bao trùm đối với toàn xã hội cho đến mục đích đối với từng vấn đề riêng biệt như đánh bạc, mại dâm v.v. ở từng giai đoạn phát triển của đất nước;

- Xác định cơ chế quản lý (đối với toàn bộ nền kinh tế, đối với từng lĩnh vực, từng đối tượng quản lý v.v.);

- Thiết lập các quyết định quản lý mà hình thức biểu hiện cơ bản là những văn bản quy phạm pháp luật và cả những văn bản pháp lý đơn hành;

- Tổ chức thực hiện các quyết định quản lý trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Khâu

này phải gồm cả hoạt động kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

Như vậy, yếu tố chủ quan làm phát sinh tình hình tội phạm phải được tìm kiếm ở các khâu cơ bản của quá trình quản lý nhà nước và đó là những sai sót, yếu kém, ngộ nhận và thiếu trách nhiệm ở từng khâu cơ bản đó.

Tóm lại, việc giải mã vấn đề nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm ở nước ta hiện nay hoàn toàn có thể thực hiện được bằng việc đi sâu nghiên cứu, phân tích thấu đáo hệ thống các yếu tố khách quan và chủ quan như đã được mô hình hóa. Khắc phục được hệ thống các yếu tố khách quan và chủ quan, đó chính là việc tạo dựng một xã hội lành mạnh, một xã hội có sức đề kháng cao đối với tình hình tội phạm - cơ sở của việc phòng ngừa chung đối với tình hình tội phạm.

#### *(Tiếp theo trang 74 – Cơ sở lý luận ...)*

một khi người phạm tội được đối xử một cách nhân đạo, tức được áp dụng những biện pháp tác động không gây đau đớn về thể xác, không xúc phạm danh dự, nhân phẩm con người, được áp dụng hình phạt cũng như các biện pháp cưỡng chế hình sự khác chỉ đến mức "cần" và "đủ" cho việc cải tạo, giáo dục và phòng ngừa họ phạm tội mới v.v. mà tựu trung lại vốn là những biểu hiện của sự giảm nhẹ TNHS hay nói trêu tượng hơn nữa là những biểu hiện của sự khoan hồng của LHS đối với người phạm tội. Tuy nhiên, sự khoan hồng của LHS đối với người phạm tội không phải không có giới hạn bởi lẽ hình phạt cũng như các biện pháp TNHS khác được quy định và áp dụng đối với người phạm tội chỉ đến mức cần và đủ mới có tác dụng giúp họ "đề dàng nhận thấy sự hợp lý trong quy định pháp luật cũng như trong phán quyết đối với mình mà có tâm lý sẵn sàng chấp nhận phân trách nhiệm phải gánh chịu" đồng thời mới có tác dụng tác động đến tâm lý của các thành viên khác trong xã hội, giúp họ nhận thức được tính công lý, công bằng và nhân đạo của LHS, tin tưởng vào vai trò và khả năng đích thực của LHS đối với cuộc đấu tranh, phòng ngừa và chống tội phạm, nâng cao ý thức pháp luật,

tham gia tích cực vào việc cảm hoá giáo dục người phạm tội. Có như vậy LHS mới vừa đáp ứng yêu cầu nhân đạo, vừa đáp ứng những yêu cầu khác mà trước hết là công lý, công bằng xã hội và phòng ngừa tội phạm.

Trên cơ sở lý luận về đối tượng điều chỉnh của LHS, về mục đích, nhiệm vụ của ngành luật này để lập luận, có thể thấy: *nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự là tư tưởng chủ đạo được ghi nhận trong LHS mà nội dung cơ bản của nó là sự khoan hồng của LHS đối với người phạm tội. Mức độ, phạm vi của sự khoan hồng của LHS đối với người phạm tội được quyết định bởi điều kiện xã hội và bị ràng buộc bởi các giá trị và nguyên tắc khác của LHS, mà trước hết là công lý, công bằng xã hội.*

Rõ ràng, lý luận về đối tượng điều chỉnh, về mục đích và nhiệm vụ của LHS chính là cơ sở lý luận của nhận thức về nguyên tắc nhân đạo trong LHS để trên cơ sở đó giải quyết đúng đắn các vấn đề của LHS, đặc biệt là các vấn đề về đường lối xử lý hình sự, TNHS, hình phạt và quyết định hình phạt đặt trong mối quan hệ giữa các yêu cầu: nhân đạo, công lý, công bằng xã hội và phòng ngừa tội phạm, đáp ứng yêu cầu của cuộc đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.